

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

CHÚA TIÊN NGUYỄN HOÀNG

49



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Chủ biên
TRẦN BẠCH ĐĂNG
Biên soạn
LÊ VĂN NĂM
Họa sĩ
NGUYỄN HUY KHÔI

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

TẬP 49

**CHÚA TIÊN
NGUYỄN HOÀNG**



NHĐ XUẤT BẢN TRẺ

Hình vẽ do phòng vẽ “*Lịch sử Việt Nam bằng tranh*” thực hiện
Họa sĩ thể hiện: NGUYỄN HUY KHÔI

BIỂU GHI BIÊN MỤC TRƯỚC XUẤT BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN BỞI THƯ VIỆN KHTH TP.HCM

Chúa Tiên Nguyễn Hoàng / Trần Bạch Đằng chủ biên ; Lê Văn Năm biên soạn ; họa sĩ Nguyễn Huy Khôi. - T.P. Hồ Chí Minh : Trẻ, 2011.

80tr. : minh họa ; 20cm. - (Lịch sử Việt Nam bằng tranh ; T.49).

1. Nguyễn Hoàng, 1525-1613. 2. Tiểu thuyết lịch sử — Việt Nam. 3. Việt Nam — Lịch sử — Nguyễn Hoàng, 1558-1613 — Tiểu thuyết. 4. Việt Nam — Lịch sử — 1592-1788 — Tiểu thuyết. 5. Việt Nam — Vua và quần thần. I. Trần Bạch Đằng. II. Lê Văn Năm. III. Nguyễn Huy Khôi m.h. IV. Ts: Lịch sử Việt Nam bằng tranh.

959.70272092 — dc 22
C559

LỜI GIỚI THIỆU

Lịch sử nước ta đã trải qua nhiều phen biến thiên. Theo dòng biến thiên ấy, lãnh thổ nước ta dần được mở rộng về phía nam. Tiến trình này còn được gọi là: “Nam tiến” và kéo dài gần 700 năm, đem lại cho nước ta ba phần năm lãnh thổ như hiện nay.

Trong tiến trình ấy, Nguyễn Hoàng có thể được xem là người có vai trò quan trọng trong việc mở rộng bờ cõi nước ta cũng như tạo tiền đề cho việc xây dựng vùng đất phía nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này.

Trong suốt 55 năm cai trị và phát triển vùng đất phía nam của mình, Nguyễn Hoàng được đánh giá là người có tầm nhìn xa trông rộng, khôn ngoan, có lòng nhân đức, biết thu phục lòng người nên được nhân dân cảm mến, gọi là chúa Tiên.

*Tập 49 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh “Chúa Tiên Nguyễn Hoàng”** phân lời do Lê Văn Năm biên soạn, phần hình ảnh do họa sĩ Nguyễn Huy Khôi thể hiện.*

*Nhà xuất bản Trẻ trân trọng giới thiệu tập 49 của bộ **Lịch sử Việt Nam bằng tranh** đến độc giả.*

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Nguyễn Hoàng (1525-1613) là con trai thứ hai của An thành hầu Nguyễn Kim. Ông là một danh tướng đã từng lập nhiều chiến công ở thời Hậu Lê nên được vua Lê phong tước Thái úy Đao quốc công.

Biết mình là gai trong mắt của Trịnh Kiểm, ông đã nghe theo lời khuyên đi về phía nam của trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm: “Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân”. Từ đây, ông đã đặt nền tảng cho cơ nghiệp của chín vị chúa Nguyễn ở phương nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này.

Giữa thế kỷ XVI, trong lúc cuộc chiến Nam Bắc triều giữa nhà Lê và nhà Mạc đang diễn ra quyết liệt thì mầm mống của sự chia rẽ lại nảy sinh trong nội bộ Nam Triều^(*). Sau cái chết bất ngờ của người anh là Nguyễn Uông^(**), Nguyễn Hoàng nhờ chị ruột là Ngọc Bảo, vợ của Trịnh Kiểm, xin với Trịnh Kiểm cho ông vào trấn thủ xứ Thuận Hóa (Thừa Thiên – Huế ngày nay).

** Nam Triều: Chỉ vua Trung Hưng do Nguyễn Kim dựng lên vào năm 1533 ở Thanh Hóa (Bắc Triều chỉ vua Mạc).*

*** Nguyễn Uông, Nguyễn Hoàng và Ngọc Bảo là con của danh tướng Nguyễn Kim.*



Thuận Hóa là vùng biên cương xa xôi, người thưa, đất bạc. Lại thêm, Thuận Hóa bấy giờ là đất vừa lấy lại được từ nhà Mạc, lòng người chưa yên nên Trịnh Kiểm đồng ý cho Nguyễn Hoàng vào nơi ấy trấn thủ.



Mùa đông năm 1558, Nguyễn Hoàng cùng gia quyến ở huyện Tống Sơn và dân chúng ở hai trấn Thanh Hoa^(*) và Nghệ An giòng buồm vào nam. Đến cửa Việt, thuyền ngược dòng sông Hiếu rồi dừng ở bờ Nam, gần xã Ái Tử, huyện Vũ Xương, Thuận Hóa (nay là huyện Triệu Phong, Quảng Trị).

** Năm 1466 có tên gọi là Thanh Hóa.*

Năm 1469 tên gọi Thanh Hóa được đổi thành Thanh Hoa.

Năm 1843 đến nay gọi là Thanh Hóa.



Đường thủy từ Thăng Long vào đây khá xa, lại đi suốt trên biển, mọi người đều đang khát nước thì dân địa phương dâng bảy vò nước. Thấy tấm lòng thuận thảo của dân, Nguyễn Hoàng và tùy tùng cho là điềm lành, nên quyết định đóng quân tại Ái Tử.



Dân chúng, người thì công sức, người thì vật liệu, giúp Nguyễn Hoàng dựng bản doanh trong một thời gian ngắn. Sau này, dinh Ái Tử được gọi là kho Cây Khế, thuộc Quảng Trị ngày nay.





Nguyễn Hoàng biết thu phục nhân tâm, thu dùng hào kiệt nên được nhiều nhân tài như Nguyễn Ʈ Dĩ, Mạc Cảnh Huống, Tống Phước Trị hợp sức tổ chức việc cai trị, tăng cường sinh lực trên vùng đất mới.

Nguyễn Hoàng khuyến khích dân khai khẩn đất hoang, cấp cho nông cụ, thóc giống và miễn giảm thuế khóa. Vì thế, ông rất được lòng dân.



Năm 1569, Nguyễn Hoàng từ Thuận Hóa về Thanh Hoa bái yết vua Lê, nộp quân lương, tiền thuế giúp cho Nam triều đánh nhà Mạc; rồi đến phủ Thái sư lạy mừng anh rể (Trịnh Kiểm) và chị gái. Trịnh Kiểm hài lòng tâu lên vua Lê cho Nguyễn Hoàng thống quản luôn cả đất Quảng Nam, là địa đầu cực nam của đất nước lúc bấy giờ.

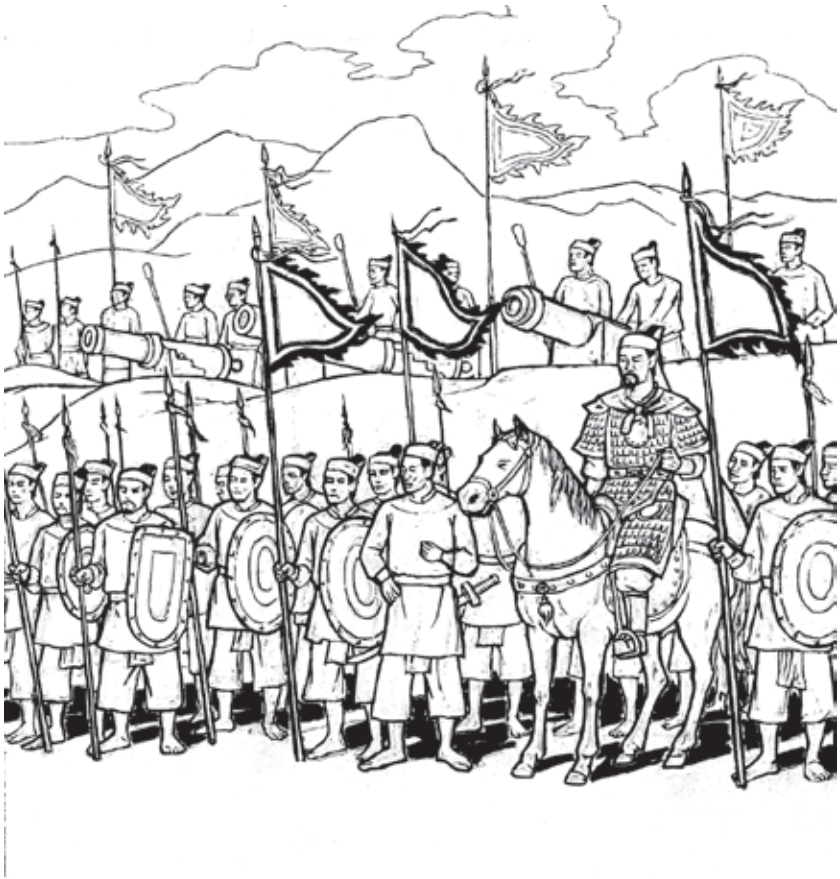




Từ đây, Nguyễn Hoàng làm chủ cả hai xứ Thuận và Quảng. Ông được toàn quyền cai trị, mỗi năm chỉ nộp thuế là 400 cân bạc và 500 tấm lụa cho chúa Trịnh. Dinh Ái Tử quá nhỏ hẹp, Nguyễn Hoàng bèn dời dinh về làng Trà Bát, cũng nằm bờ Nam sông Hiếu, thuộc huyện Đăng Xương, Thuận Hóa. Dinh Trà Bát được xây dựng với quy mô hơn hẳn dinh Ái Tử.

Năm 1570, Trịnh Kiểm mất, con của ông và bà Ngọc Bảo là Trịnh Tùng kế vị. Biết lực lượng họ Nguyễn ở phương nam ngày càng lớn mạnh, Trịnh Tùng không yên lòng. Ông không ra mặt, ngầm sai người đem quân đánh úp dinh Ái Tử, nhưng bị quân Nguyễn Hoàng đánh tan.





Tuy Nguyễn Hoàng đánh lui được quân Trịnh, nhưng đất Thuận – Quảng vẫn chưa yên vì họ Mạc vẫn lăm le mưu chiếm lại đất cũ. Cùng năm với chiến thắng quân Trịnh (1570), Nguyễn Hoàng ngăn được lực lượng nhà Mạc do tướng Mạc Kính Điển cầm quân tấn công.



Vào năm 1572, Lập Bạo là tướng của nhà Mạc đem 60 chiến thuyền tiến đánh Thuận Hóa. Thế của Lập Bạo rất mạnh. Nguyễn Hoàng phải đem quân đóng ở sông Ái Tử để chống giữ.

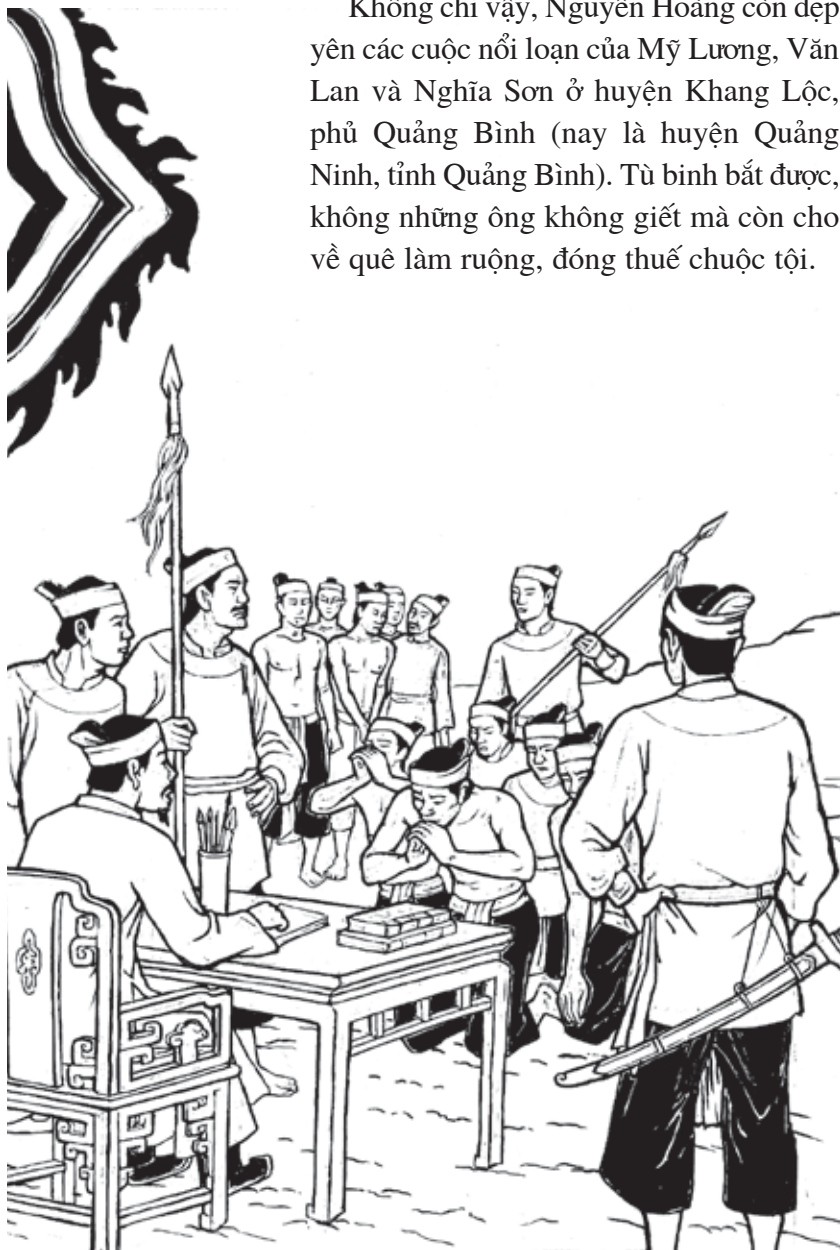
Sau nhiều trận bất phân thắng bại, Nguyễn Hoàng dùng mỹ nhân kế, cho một người con gái là Ngô Ngọc Lâm đi đến thuyền của Lập Bạo, dâng lễ vật xin cầu hòa.





Trong khi Lập Bạo mê đắm tử sắc, không canh phòng, Nguyễn Hoàng tiến quân đánh tan toán quân Mạc ở xã Hồ Xá, Lăng Uyển, thuộc huyện Vĩnh Linh (1572).

Không chỉ vậy, Nguyễn Hoàng còn dẹp yên các cuộc nổi loạn của Mỹ Lương, Văn Lan và Nghĩa Sơn ở huyện Khang Lộc, phủ Quảng Bình (nay là huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình). Tù binh bắt được, không những ông không giết mà còn cho về quê làm ruộng, đóng thuế chuộc tội.



Năm 1585, có năm chiếc thuyền lớn của người Tây Dương đến đậu ở cảng Cửa Việt để cướp bóc ven biển. Nguyễn Hoàng sai Nguyễn Phúc Nguyên thống lĩnh thủy binh, tiến thẳng ra cửa biển, đánh chìm hai chiếc thuyền của chúng. Từ đấy, uy thế quân sự của Nguyễn Hoàng ngày một tăng cao.





Không lấy thế làm kiêu, Nguyễn Hoàng vẫn cư xử cung kính, nộp thuế đầy đủ cho Nam triều. Năm 1592, Trịnh Tùng lấy lại được Đông Đô (Thăng Long) và rước vua Lê về lại kinh đô. Nguyễn Hoàng thân hành đến kinh đô yết kiến vua Lê và dâng nộp sổ sách của hai xứ Thuận – Quảng.



Nguyễn Hoàng được vua Lê phong làm Thái Úy, tước Đoan quốc công. Không được Trịnh Tùng tin tưởng, Nguyễn Hoàng phải ở lại Thăng Long trong tám năm. Trong thời gian này, ông lập được nhiều chiến công, giúp chúa Trịnh đánh tan tàn quân họ Mạc, và hai lần hộ giá vua Lê lên ải Nam Quan theo đòi hỏi của nhà Minh.

Càng ngày Trịnh Tùng càng đề phòng Nguyễn Hoàng nên không muốn cho ông về Thuận – Quảng. Trước tình hình đó, Nguyễn Hoàng mật bàn cùng các tướng Phan Ngạn, Bùi Văn Khê, Ngô Đình Nga để họ giả nổi lên làm loạn ở cửa Đại An (thuộc Nam Định ngày nay).



Nguyễn Hoàng nhân cơ ấy, xin với Trịnh Tùng đem quân tiến đánh. Trịnh Tùng thuận ý, chấp thuận cho Nguyễn Hoàng đem quân dẹp loạn.





Để Trịnh Tùng không nghi ngờ, Nguyễn Hoàng để người con thứ năm là Nguyễn Hải và cháu nội Nguyễn Hắc làm con tin ở Thăng Long. Nguyễn Hoàng gặp nhóm Phan Ngạn ở Đại An, hai bên kéo quân theo đường biển trở về Thuận – Quảng.

Để làm giảm sự căng
thẳng với họ Trịnh và cũng
để che chở cho con cháu ở
đất Bắc, Nguyễn Hoàng gả con
gái yêu của mình là Ngọc Tú cho
Trịnh Tráng (con cả của Trịnh Tùng).



Từ cuộc hôn nhân này, Trịnh Tùng cũng giảm phần gay gắt với Nguyễn Hoàng. Con cháu của Nguyễn Hoàng ở Thăng Long cũng vì thế mà được yên ổn.



Từ khi trở về Thuận – Quảng, Nguyễn Hoàng khẩn trương phát triển lực lượng, mở mang bờ cõi, phòng quân Trịnh tiến đánh. Năm 1600, ông cho dời dinh về phía đông dinh Ái Tử, gọi là dinh Cát.

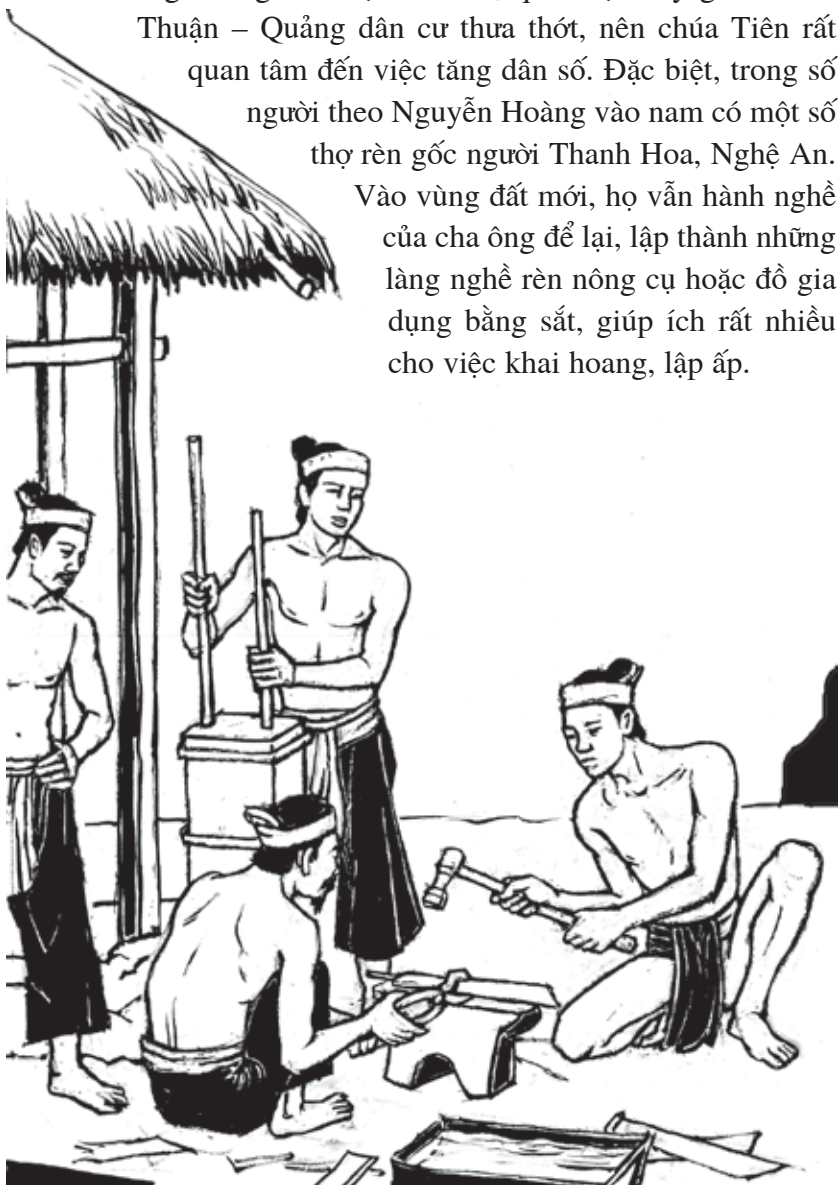


Khi trấn nhậm Thuận – Quảng, Nguyễn Hoàng cho áp dụng bộ luật Hồng Đức ban hành dưới thời Lê Thánh Tông. Đây là bộ luật hoàn chỉnh đầu tiên của nước Đại Việt – có phần rất tiến bộ – thừa nhận quyền lợi của người nghèo và phụ nữ, thể hiện sự tôn trọng những phong tục tập quán tốt đẹp của dân chúng. Vì vậy, ông được nhân dân xưng tụng là chúa Tiên.



Chúa Tiên khuyến khích, thúc đẩy việc khai hoang trồng trọt để tăng cường tiềm lực kinh tế, quân sự. Bấy giờ hai xứ Thuận – Quảng dân cư thưa thớt, nên chúa Tiên rất quan tâm đến việc tăng dân số. Đặc biệt, trong số người theo Nguyễn Hoàng vào nam có một số thợ rèn gốc người Thanh Hoa, Nghệ An.

Vào vùng đất mới, họ vẫn hành nghề của cha ông để lại, lập thành những làng nghề rèn nông cụ hoặc đồ gia dụng bằng sắt, giúp ích rất nhiều cho việc khai hoang, lập ấp.



Đối với Thuận Hóa, chúa Tiên củng cố bộ máy cai trị, chọn người liêm khiết và có tài để lo cho dân. Đồng thời, ông tập hợp những nông dân phải bỏ quê đi tha phương cầu thực để họ ổn định cuộc sống. Lương thực làm ra, ông cho lập kho tích trữ đồng thời khuyến khích khai khẩn để có đủ ruộng cho dân làm ăn.

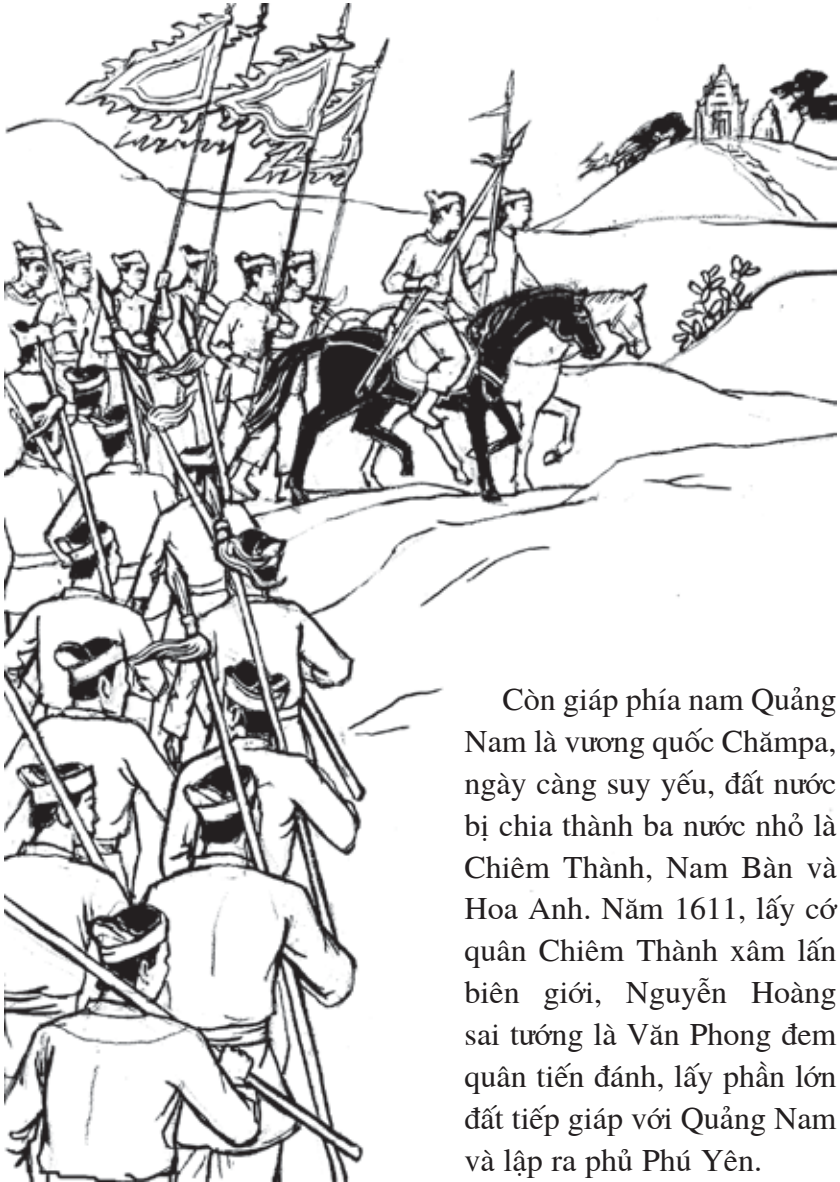




Năm 1602, chúa Tiên lập dinh Quảng Nam, giao Nguyễn Phúc Nguyên trấn thủ. Dinh gồm ba phủ Thăng Hoa, Tư Nghĩa và Hoài Nhơn, sau ba năm sát nhập thêm phủ Điện Bàn (vốn là đất ở Thuận Hóa). Nguyễn Hoàng lập ra các chức quan để cai quản, cao nhất là quan Trấn thủ rồi đến Cai bộ, Ký lục để lo việc cai quản hành chính nơi đây.

Như vậy, phía nam được mở rộng diện tích, thêm dân cư và có một hệ thống cai trị chặt chẽ. Quảng Nam trở thành một vùng đất trù phú, giàu có, có thể trở thành chỗ dựa vững chắc cho Nguyễn Hoàng. Năm 1605, Đàng Trong được mùa trong khi từ Nghệ An ra Bắc mất mùa vì đại hạn. Nhiều nông dân ở Đàng Ngoài đã bỏ xứ vào Đàng Trong sinh sống.

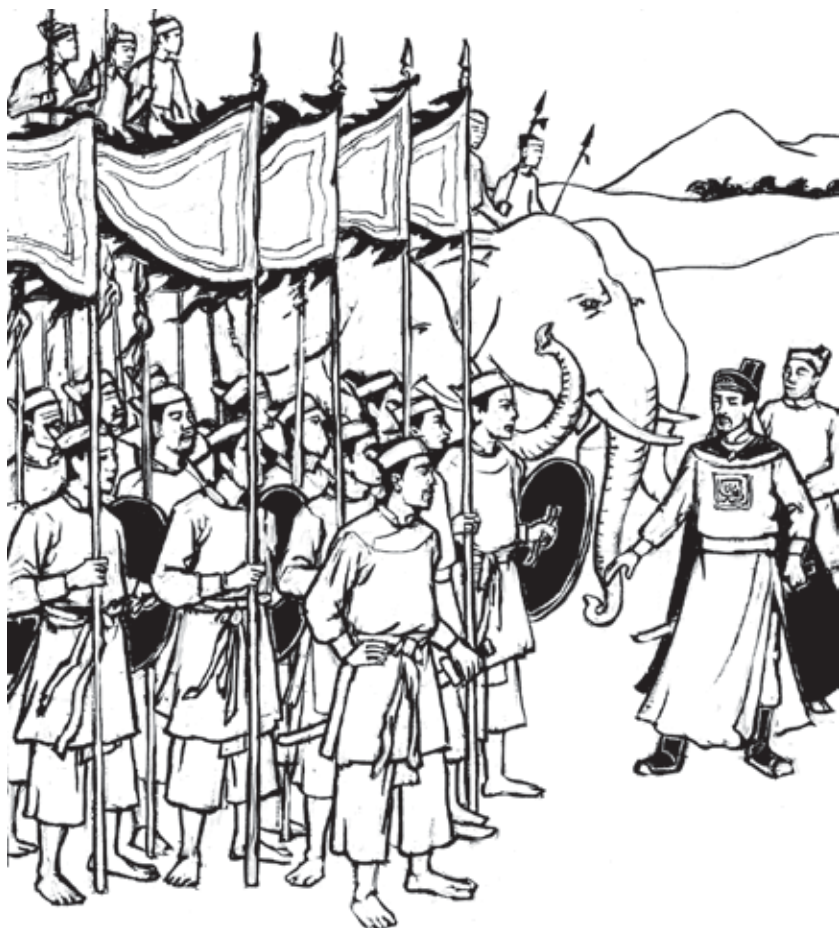




Còn giáp phía nam Quảng Nam là vương quốc Chăm-pa, ngày càng suy yếu, đất nước bị chia thành ba nước nhỏ là Chiêm Thành, Nam Bàn và Hoa Anh. Năm 1611, lấy cớ quân Chiêm Thành xâm lấn biên giới, Nguyễn Hoàng sai tướng là Văn Phong đem quân tiến đánh, lấy phần lớn đất tiếp giáp với Quảng Nam và lập ra phủ Phú Yên.

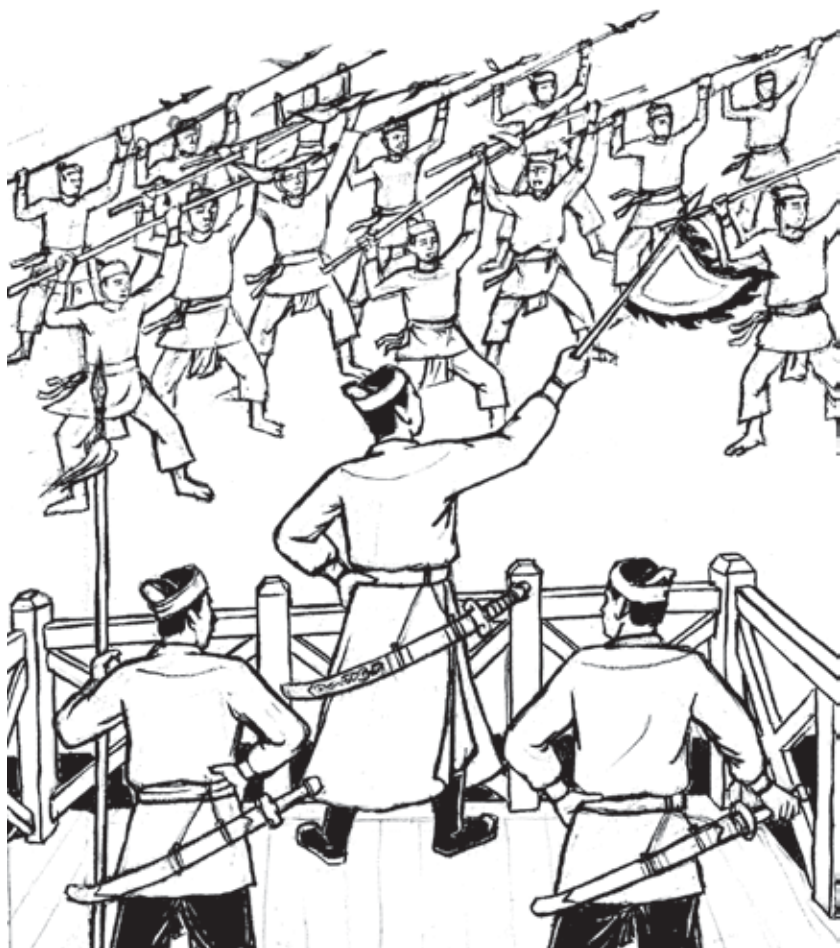
Phủ này gồm hai huyện Đồng Xuân và Tuy Hòa. Văn Phong được cử làm lưu thủ Phú Yên. Sau đó, cũng như đối với Thuận Hóa, chúa Tiên cũng cho chiêu mộ lưu dân đến định cư khai phá, biến vùng đất ở đây như Cù Mông, Xuân Đài và ven sông Đà Rằng thành những vùng trù phú.





Về quân đội, chúa Tiên cho tổ chức thành từng đơn vị, lớn nhất là dinh rồi đến cơ, đội và cuối cùng là thuyền. Thuyền là đơn vị thấp nhất có từ 30 đến 60 người do cai thuyền chỉ huy. Chỉ huy là Cai đội, chỉ huy cơ là Chuông cơ, đứng đầu dinh là Chuông dinh. Trong dinh có nhiều cơ, phân ra thủy (sông nước), bộ (trên đất liền), tượng (voi) và đồng thời chia ra thành nội (trung quân), tả (bên trái), hữu (bên phải), tiền (đi trước) và hậu (đi sau).

Những chức vụ chỉ huy quân đội chỉ được giao cho những người chúa Nguyễn tin cậy. Đó là những người trong cùng dòng họ với ông hoặc cùng quê hương Thanh Hoa mà ra. Những chức vụ lớn như Chưởng dinh, Chưởng cơ, Cai cơ, Cai đội đều xuất thân từ cộng đồng ấy.



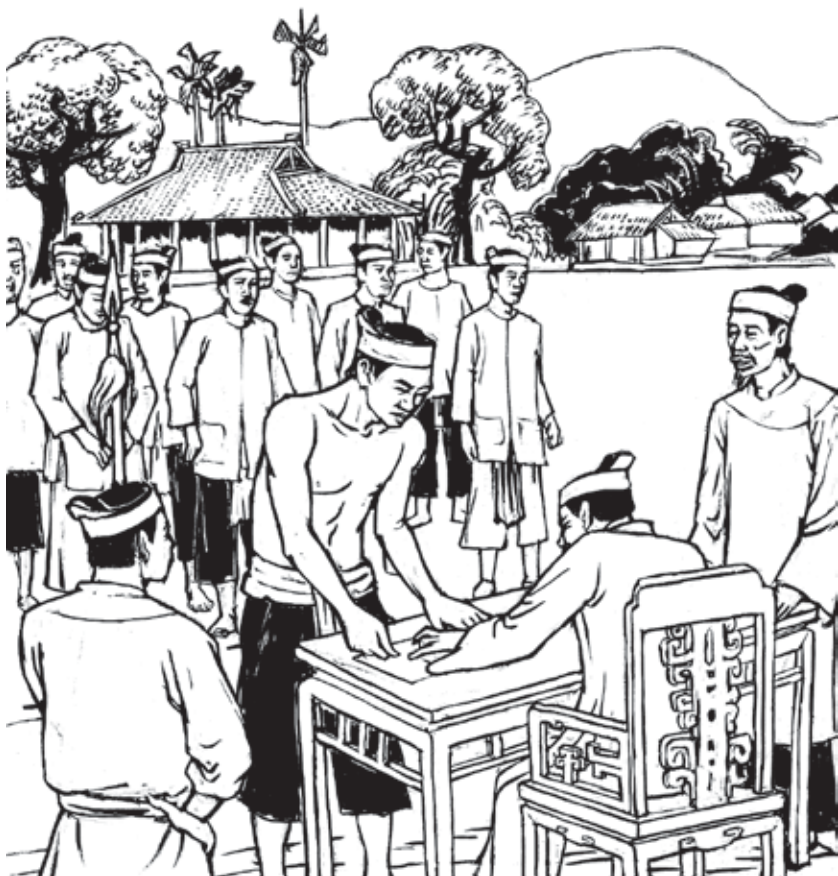
Quân số ở các đơn vị này rất khác biệt, chẳng hạn như tại Chính dinh (Thuận Hóa), cơ Nội thủy có 58 thuyền gồm 6.410 người, trong khi đó tại các cơ Tả dục, Hữu dục, Tiền dục, Hậu dục, mỗi cơ chỉ có 5 thuyền với 281 người. Chúa Tiên cũng chú ý phát triển lực lượng hải quân. Ông cho đóng thuyền bè ở Phú Xuân. Hàng ngày quân thủy phải tập luyện trên các con sông, tàu thuyền lui tới liên lạc, kỷ luật rất nghiêm minh.



Đặc biệt là chúa Tiên còn cho lập lực lượng tượng binh lợi hại. Tại Thuận Hóa và Quảng Nam, Phú Yên đều có voi chiến. Tượng binh đã góp phần quan trọng trong những chiến thắng của quân Nguyễn. Khi ra trận, tượng binh luôn tiên phong, mở đường cho bộ binh và kỵ binh tiến lên.



Để tuyển lính, chúa Tiên cho gọi đầu quân mọi đàn ông từ 18 đến 50 tuổi, trừ những người bệnh tật yếu đuối hoặc con một phải nuôi cha mẹ già... Tất cả các thanh niên khi đến 18 tuổi, tại xã sở tại phải ghi tên vào sổ lính để đến tháng 7 đem trình lên quan cấp trên tuyển chọn. Đến tháng 8, các cơ đội căn cứ theo ngạch binh, định số lính phải tuyển rồi báo cho các xã họ tên quê quán người được tuyển tại địa phương đó. Cách thức tuyển lính đó được gọi là hàng xã.

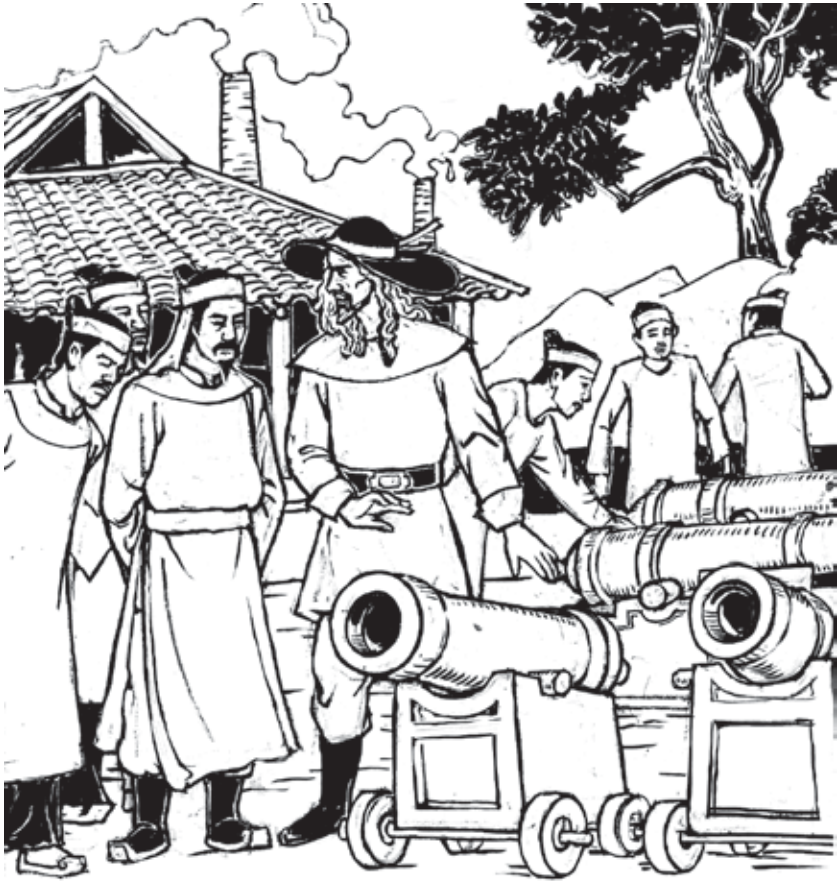




Người nào trốn không ghi tên thì bị bắt làm lính chặn voi. Người lính nào trốn thì xã của họ phải truy bắt ngay. Nếu sau ba tháng không bắt được thì xã phải chỉ định người khác thay thế. Người của nhà nước về xã truy nã lính trốn thì xã và người nhà của người lính đó phải nộp tiền phí tổn (gọi là tiền hành lý).

Vũ khí mà quân đội chúa Nguyễn sử dụng gồm gươm giáo, cung tên và các loại súng. Ở phía nam sông Phú Xuân có phường đúc. Dân ở đây là người nhập cư ở lẫn lộn, họ đúc súng cho chúa Nguyễn, ngoài ra họ còn đúc vạc, chảo, nồi, xanh, cây đèn, cây nển và nhiều đồ vật khác cho dân chúng.





Chúa Nguyễn thường mua súng ống, đạn dược mà các tàu buôn Tây phương đem đến bán. Trong thời này, kỹ thuật chế tạo vũ khí Tây phương cũng được du nhập vào Đàng Trong.



Chúa Tiên cũng rất chú ý đến phát triển thương mại. Ông khuyến khích việc buôn bán trong nước và với nước ngoài. Một hải cảng quan trọng được hình thành dưới thời ông. Đó là đô thị Hội An, còn gọi là Faifo, nằm ở vùng cửa sông Thu Bồn. Trước kia, Hội An có 2 con đường thủy thông thương rất dễ dàng ra biển là cửa Đại và cửa Tiểu (nay cửa Tiểu đã bị bùn cát ven sông ven biển bồi lấp). Từ khi Nguyễn Hoàng khai thác vùng Quảng Nam, Hội An là nơi lui tới buôn bán của nhiều người nước ngoài.

Hội An còn là nơi có hàng hóa dồi dào. Một thương gia Trung Quốc thường buôn bán với Đàng Trong thời ấy cho biết: “Thuyền từ Sơn Nam về chỉ mua được một thứ củ nâu, thuyền từ Thuận Hóa về cũng chỉ một thứ hồ tiêu, còn từ Quảng Nam về thì hàng không món gì không có”. Các sản phẩm theo đường thủy, đường bộ, đi thuyền đi ngựa đều đến hội tập ở phố Hội An, vì thế khách phương bắc đều tụ tập ở đấy để mua và đem về nước bán lại.





Mùa buôn bán tấp nập nhất ở Hội An diễn ra vào những tháng 3, 4, 5 tức lúc gió mùa thuận lợi cho thuyền buôn từ Trung Quốc, Nhật Bản đến. Thuyền buôn mang đến bán ở Hội An các loại vải vóc, thuốc bắc, y phục, kim, cúc áo, các thứ đồ giấy, quạt giấy, bàn ghế, vật dụng bằng đồng, sành sứ và nhiều thứ thực phẩm. Họ mua các loại gỗ quý, đường, các loại hải sản như yến sào, vây cá, tôm khô, rong biển, ốc hương, đồi mồi, hải sâm, cau khô cùng các loại hương liệu như tiêu, sa nhân, đậu khấu, nhục quế cùng với trầm hương, kỳ nam và mấy trăm loại thuốc nam...

Thời ấy, thương buôn nước ngoài chủ yếu là người Trung Hoa và người Nhật. Người Hoa được nhà Minh mở cửa cho vượt biển đi buôn bán với nước ngoài kể từ năm 1576, đã đến Hội An giao dịch, một số lấy vợ người Việt và định cư tại đây, lập nên một cộng đồng đồng hương, sống quy tụ ở khu vực đầm Trà Nhiêu, Cẩm Hà và Cẩm Phô.



Họ lập nên một khu phố riêng mang bản sắc của dân tộc họ, gọi là phố Khách. Công việc buôn bán rất phồn thịnh. Họ không quên tín ngưỡng truyền thống, cho xây nhiều cơ sở tín ngưỡng như miếu Quan Công, chùa Kim Sơn, chùa Quan Âm.

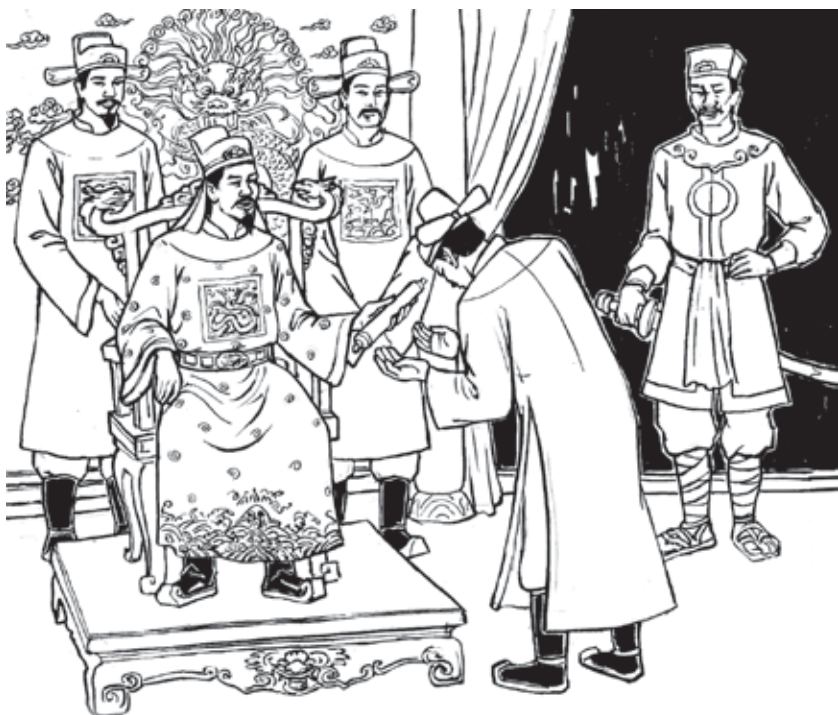




Thương buôn Nhật đến Hội An vào khoảng thế kỷ XVI. Vào năm 1592, lãnh chúa Nhật Bản là Tokugawa thấy được cái lợi trong việc buôn bán với nước ngoài, cho phép thuyền buôn Nhật vượt biển đi buôn bán với các nước trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Một số thương buôn Nhật Bản đến Hội An, bỏ vốn mở tiệm buôn bán, tuyển người Đại Việt làm quản lý cho cơ sở buôn bán của mình.

Có người định cư ở Hội An, lập gia đình, lấy vợ là người Việt. Họ quây quần cạnh nhau, sống theo phong tục tập quán của mình, lập nên một khu phố Nhật. Địa điểm của khu phố ấy là đường Trần Phú ngày nay ở Hội An.





Những cường quốc hàng hải châu Âu thời bấy giờ như Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh bắt đầu chú ý đến Đại Việt vào thế kỷ XVII. Người Anh đã thành lập được cơ sở buôn bán ở Indonesia vào năm 1601, còn người Hà Lan lập trụ sở buôn bán tại Hirado (Nhật) vào năm 1609, nên cả hai nước này đều muốn đến buôn bán với Đại Việt. Chúa Tiên cũng đã viết một bức thư đến công ty Đông Ấn Hà Lan, khuyến khích họ đến Đàng Trong buôn bán.

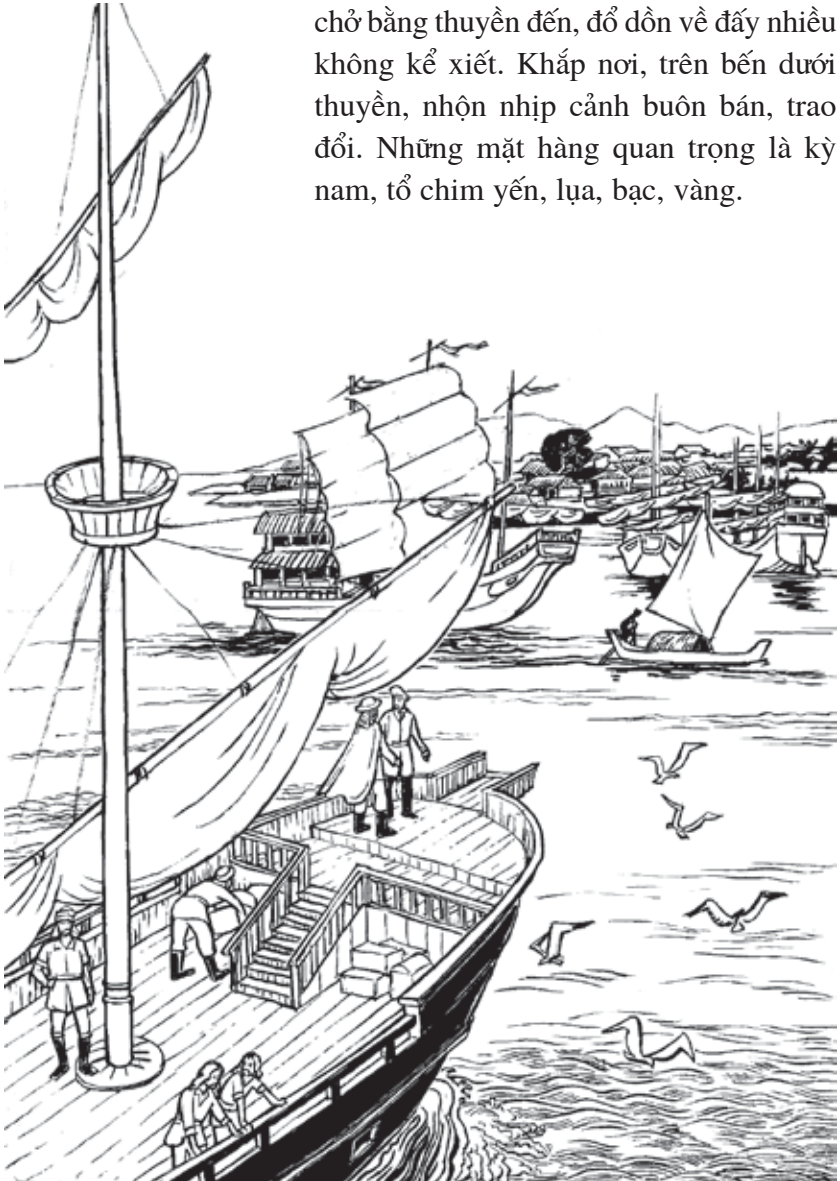
Người Bồ Đào Nha là những người Tây phương đầu tiên đến Hội An buôn bán. Người Anh và Hà Lan, do đến sau nên không thể thiết lập được quan hệ mua bán vững bền ở Đàng Trong vì sự ngăn trở của người Bồ.



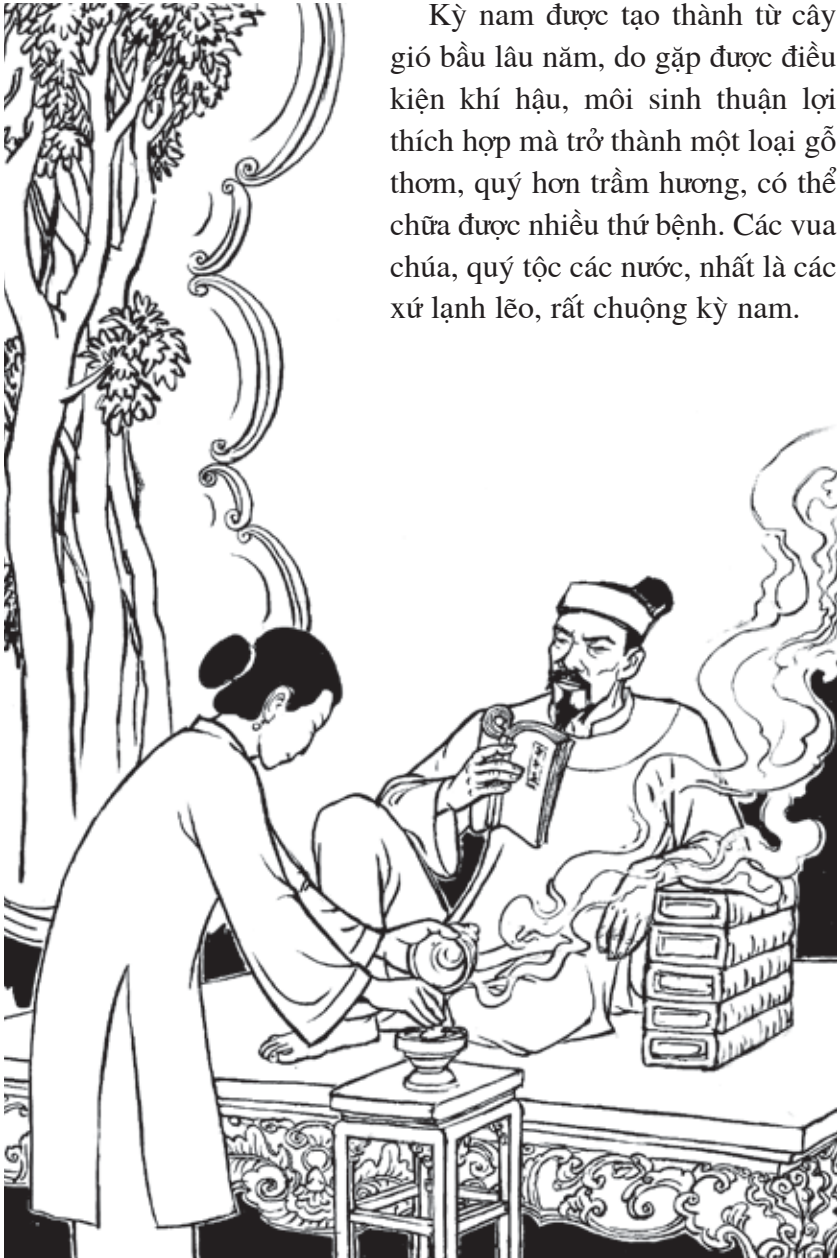


Từ Macao, tàu buôn của người Bồ xuất bến, tiến hành các chuyến buôn, tạo nên con đường thương mại tam giác Nhật – Đàng Trong – Macao. Tại Hội An, họ được phép thành lập trụ sở buôn bán và cũng là trạm trung chuyển hàng hóa đến các nước khác. Các tàu buôn này cũng là nguồn cung cấp vũ khí cho chúa Nguyễn. Họ bán cho chúa Nguyễn súng thần công, thuốc súng.

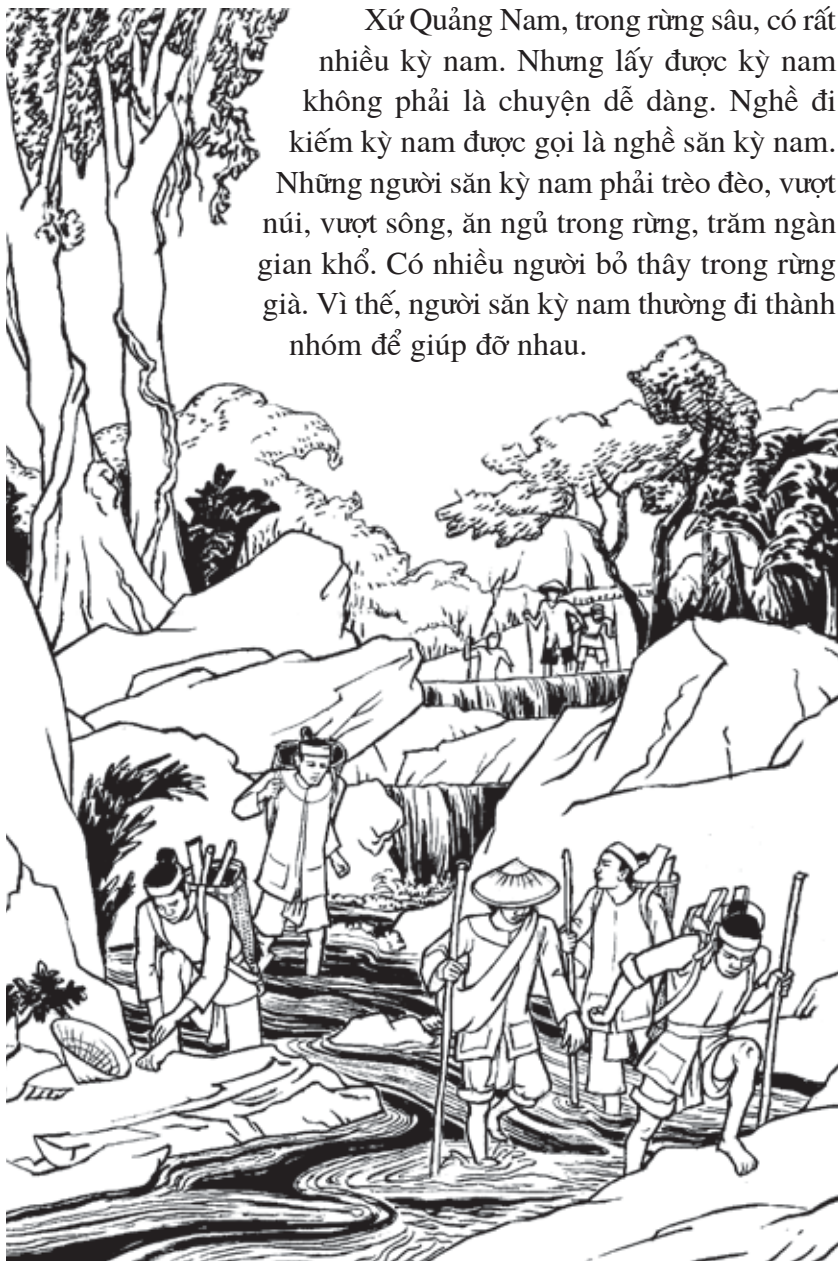
Hội An càng ngày càng trù phú. Hàng hóa từ Nghệ An, Thuận Hóa, được chuyên chở bằng thuyền đến, đổ dồn về đây nhiều không kể xiết. khắp nơi, trên bến dưới thuyền, nhộn nhịp cảnh buôn bán, trao đổi. Những mặt hàng quan trọng là kỳ nam, tổ chim yến, lụa, bạc, vàng.



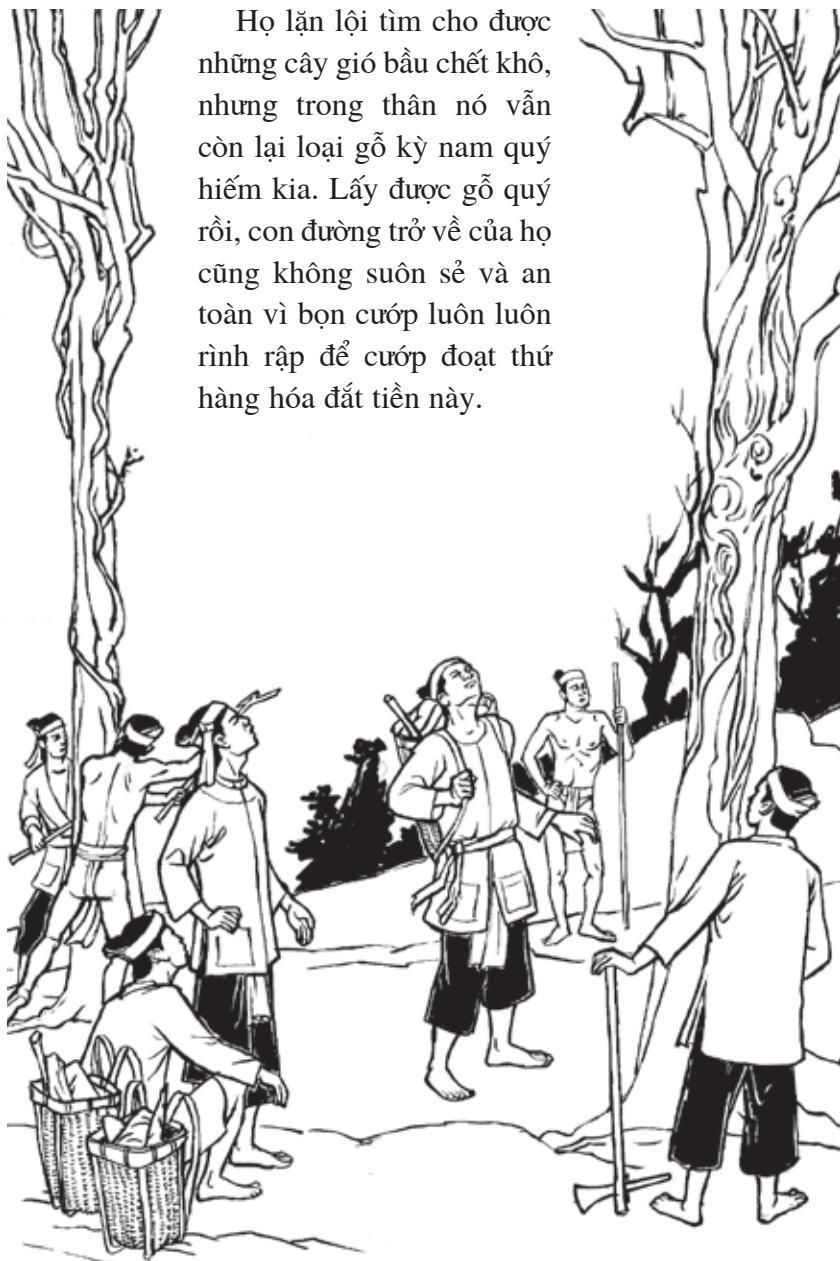
Kỳ nam được tạo thành từ cây
gió bầu lâu năm, do gặp được điều
kiện khí hậu, môi sinh thuận lợi
thích hợp mà trở thành một loại gỗ
thơm, quý hơn trầm hương, có thể
chữa được nhiều thứ bệnh. Các vua
chúa, quý tộc các nước, nhất là các
xứ lạnh lẽo, rất chuộng kỳ nam.

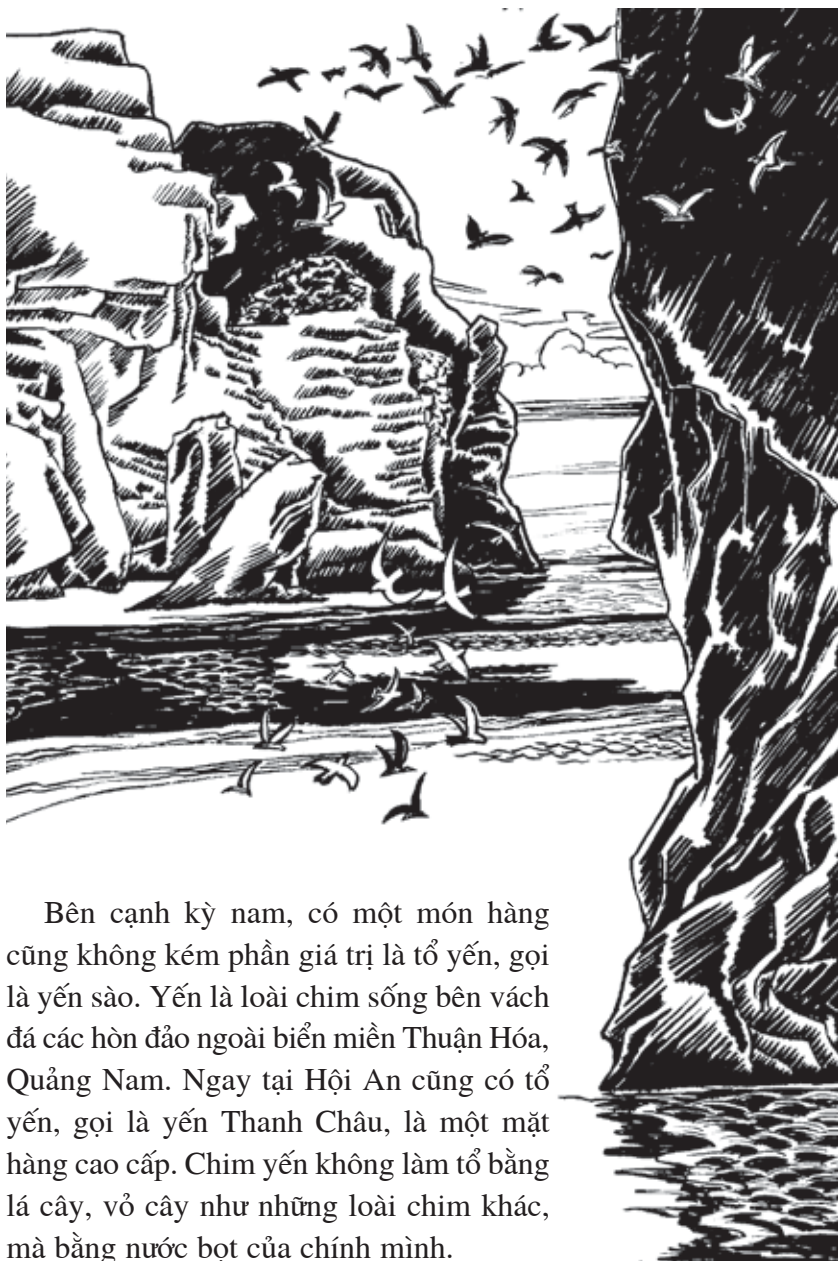


Xứ Quảng Nam, trong rừng sâu, có rất nhiều kỳ nam. Nhưng lấy được kỳ nam không phải là chuyện dễ dàng. Nghề đi kiếm kỳ nam được gọi là nghề săn kỳ nam. Những người săn kỳ nam phải trèo đèo, vượt núi, vượt sông, ăn ngủ trong rừng, trăm ngàn gian khổ. Có nhiều người bỏ thân trong rừng già. Vì thế, người săn kỳ nam thường đi thành nhóm để giúp đỡ nhau.



Họ lặn lội tìm cho được những cây gió bầu chết khô, nhưng trong thân nó vẫn còn lại loại gỗ kỳ nam quý hiếm kia. Lấy được gỗ quý rồi, con đường trở về của họ cũng không suôn sẻ và an toàn vì bọn cướp luôn luôn rình rập để cướp đoạt thứ hàng hóa đắt tiền này.

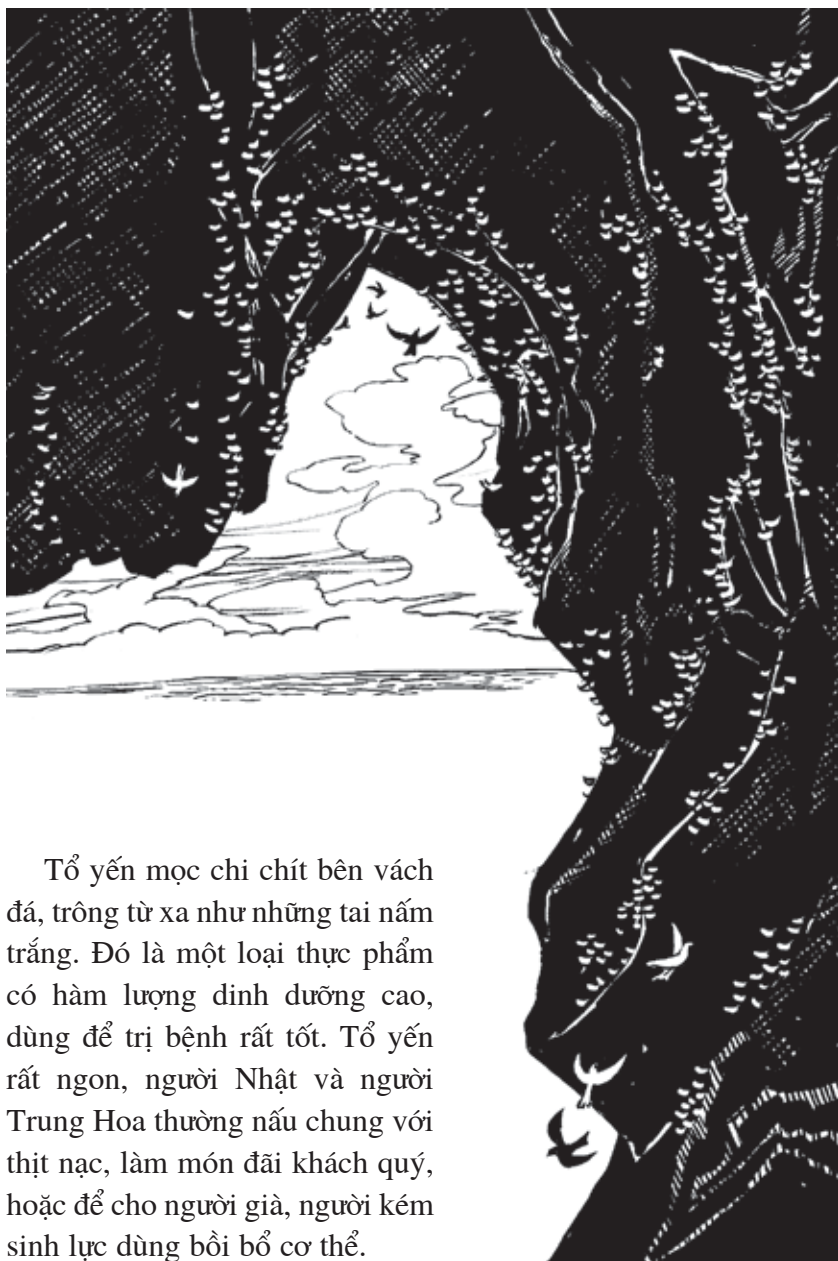




Bên cạnh kỳ nam, có một món hàng cũng không kém phần giá trị là tổ yến, gọi là yến sào. Yến là loài chim sống bên vách đá các hòn đảo ngoài biển miền Thuận Hóa, Quảng Nam. Ngay tại Hội An cũng có tổ yến, gọi là yến Thanh Châu, là một mặt hàng cao cấp. Chim yến không làm tổ bằng lá cây, vỏ cây như những loài chim khác, mà bằng nước bọt của chính mình.

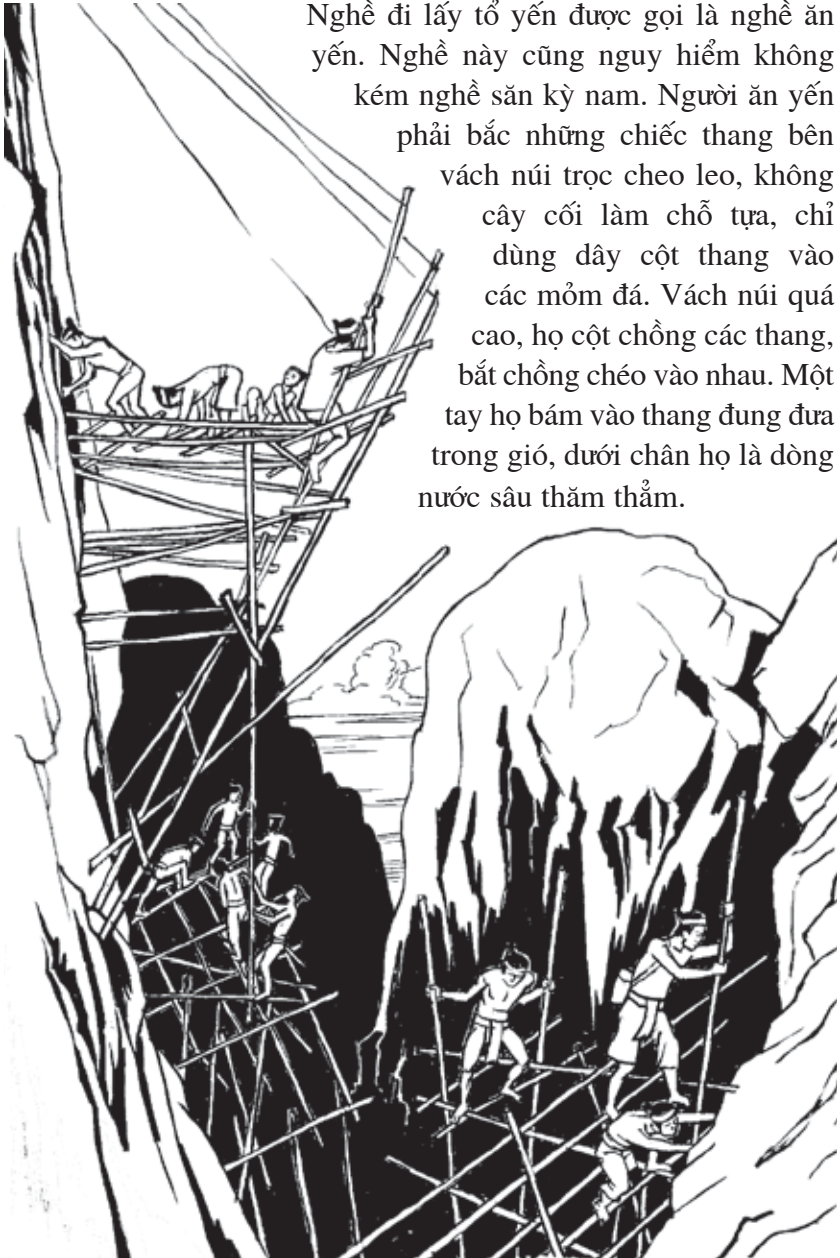


Chúng dùng chân bám vào vách đá, hai cánh chấp chới lấy thăng bằng, còn mỏ thì tiết ra dòng nước bọt trắng phau như tuyết. Dòng nước bọt đông lại thành những sợi mỏng mảnh như chỉ, quấn lên nhau thành hình một chiếc tổ nhỏ bé, vừa đủ chỗ để đựng trứng. Có nhiều con không đủ nước bọt, phải gắng sức, thế là máu trong người chúng hòa quyện vào trong nước bọt, tạo thành những chiếc tổ có màu hồng. Những chiếc tổ như thế quý giá vô cùng.

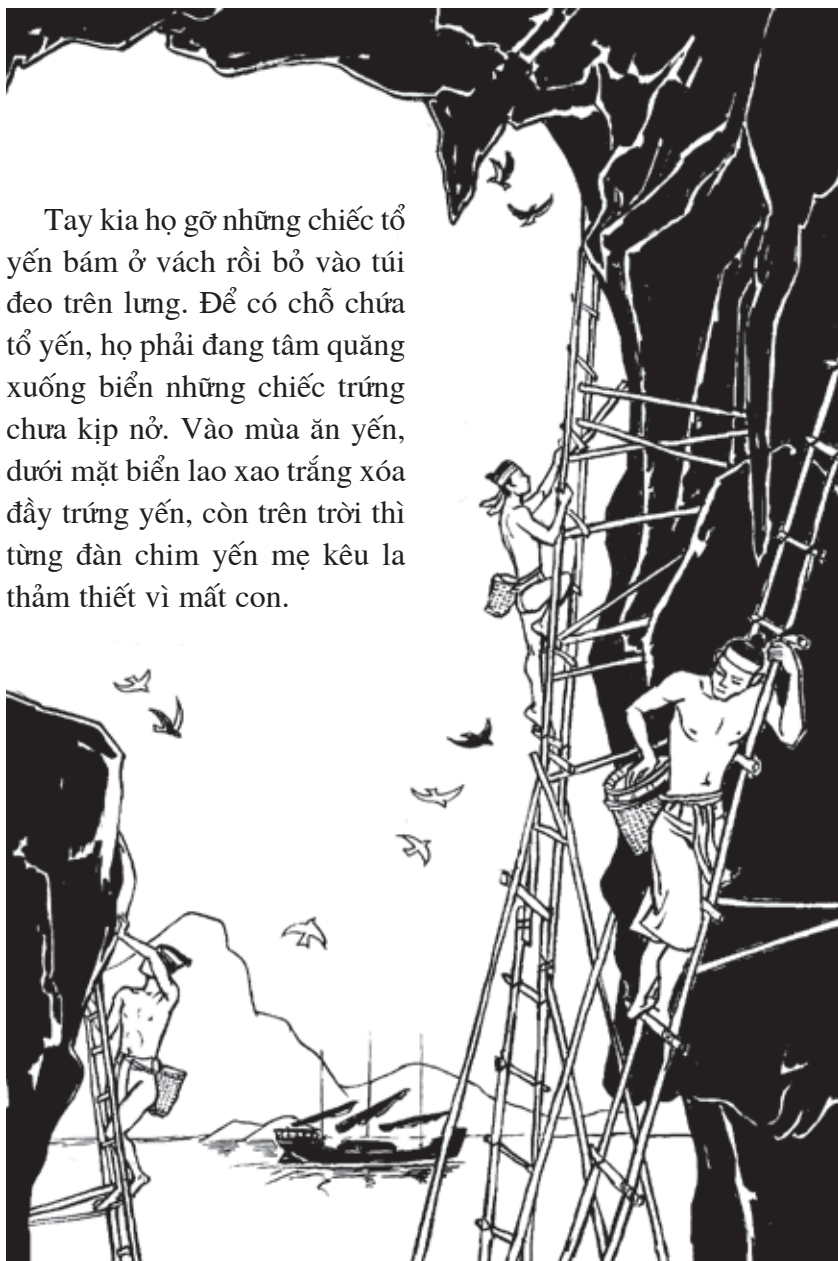


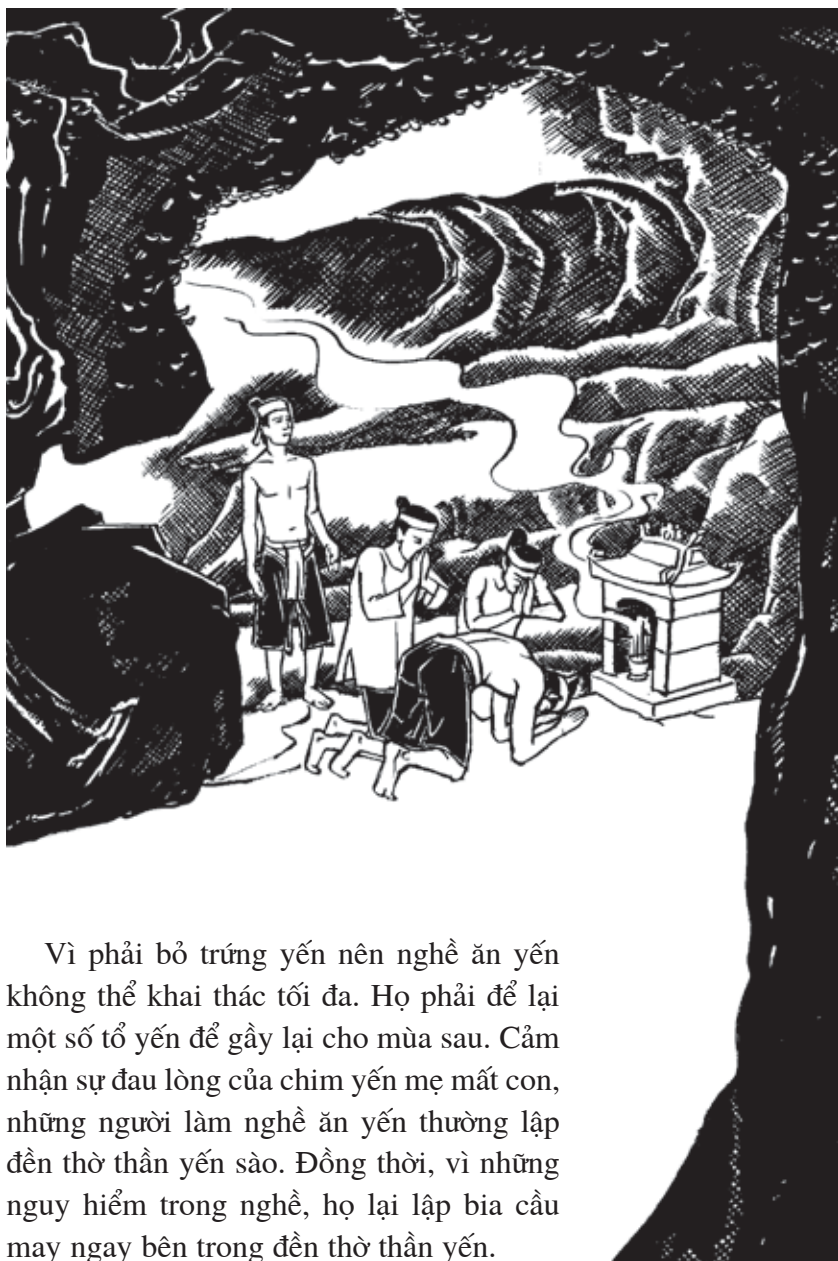
Tổ yến mọc chi chít bên vách đá, trông từ xa như những tai nấm trắng. Đó là một loại thực phẩm có hàm lượng dinh dưỡng cao, dùng để trị bệnh rất tốt. Tổ yến rất ngon, người Nhật và người Trung Hoa thường nấu chung với thịt nạc, làm món đãi khách quý, hoặc để cho người già, người kém sinh lực dùng bồi bổ cơ thể.

Nghề đi lấy tổ yến được gọi là nghề ăn yến. Nghề này cũng nguy hiểm không kém nghề săn kỳ nam. Người ăn yến phải bắc những chiếc thang bên vách núi trọc cheo leo, không cây cối làm chỗ tựa, chỉ dùng dây cột thang vào các mỏm đá. Vách núi quá cao, họ cột chồng các thang, bắt chồng chéo vào nhau. Một tay họ bám vào thang đứng đưa trong gió, dưới chân họ là dòng nước sâu thăm thẳm.



Tay kia họ gỡ những chiếc tổ yến bám ở vách rồi bỏ vào túi đeo trên lưng. Để có chỗ chứa tổ yến, họ phải đang tâm quăng xuống biển những chiếc trứng chưa kịp nở. Vào mùa ăn yến, dưới mặt biển lao xao trắng xóa đầy trứng yến, còn trên trời thì từng đàn chim yến mẹ kêu la thảm thiết vì mất con.





Vì phải bỏ trứng yến nên nghề ăn yến không thể khai thác tối đa. Họ phải để lại một số tổ yến để gây lại cho mùa sau. Cảm nhận sự đau lòng của chim yến mẹ mất con, những người làm nghề ăn yến thường lập đền thờ thần yến sào. Đồng thời, vì những nguy hiểm trong nghề, họ lại lập bìa cầu may ngay bên trong đền thờ thần yến.

Các núi Trà Nô, Trà Tế ở huyện Duy Xuyên thuộc tỉnh Quảng Nam có mạch vàng rất giàu trữ lượng. Mạch vàng thường đi ngoằn ngoèo trong đất, có lúc đi ngang suốt cả một ngọn núi. Chúa Nguyễn cho người tập trung từng mỏ vàng và khai thác. Một người thợ rửa đãi trong một ngày có thể kiếm được vàng vụn đầy cả bong bóng trâu. Nhờ thế mà những con người xa xứ ấy sống cũng khá sung túc.





Ngoài kỳ nam, tổ yến, vàng là những sản phẩm của thiên nhiên, xứ Đàng Trong dưới thời Nguyễn Hoàng còn có những mặt hàng do chính tay con người sản xuất ra. Trong các sản phẩm thời ấy, đáng kể nhất là lụa và mía đường. Lụa Quảng Nam có chất lượng chẳng kém gì lụa Quảng Đông, đặc biệt là lụa trắng, lụa đen, liều sa, lụa hoa, lĩnh hoa rất được tàu buôn nước ngoài săn tìm.

Từ đó, lụa trở thành mặt hàng truyền thống của Quảng Nam. Hiện nay, Quảng Nam còn rất nhiều làng nghề ươm tơ, dệt lụa truyền thống. Có một nhóm thợ dệt ở huyện Duy Xuyên di dân lập làng nghề dệt nổi tiếng ở khu vực Bảy Hiền thuộc quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.





Nghề làm mía đường đặc biệt phát triển ở Thuận Hóa. Xã Ái Tử ở huyện Đăng Xương, là nơi sản xuất các loại đường đen và đường trắng khá nổi tiếng. Đường phỉ thì được sản xuất ở Điện Bàn, thuộc Quảng Nam. Đây là loại đường xốp, nhẹ, mềm, trắng, từng phiến có hình dạng như lá phổi, mỗi phiến nặng một cân. Vào dịp cúng giỗ, chúa Nguyễn thường sai quan lại đến đây mua đường, mỗi lần mua từ 300 cân đến 800 cân.

Buôn bán phát triển, kinh tế khá giả, nên chúa Tiên đã nỗ lực thiết lập hệ thống giao thông trên lãnh thổ của mình nhằm bảo đảm cho các hoạt động kinh tế và phục vụ cho những cuộc chuyển quân thường xuyên vào phương nam. Phương tiện giao thông thời ấy là đi bộ, cưỡi ngựa hoặc dùng cáng, còn chuyên chở thì bằng thuyền, bằng xe ngựa, xe bò. Có nhiều đoạn đường được sửa sang lại cho xe cộ có thể qua lại được, nhiều bến đò được thiết lập để thuyền bè có nơi an toàn mà cập bến.



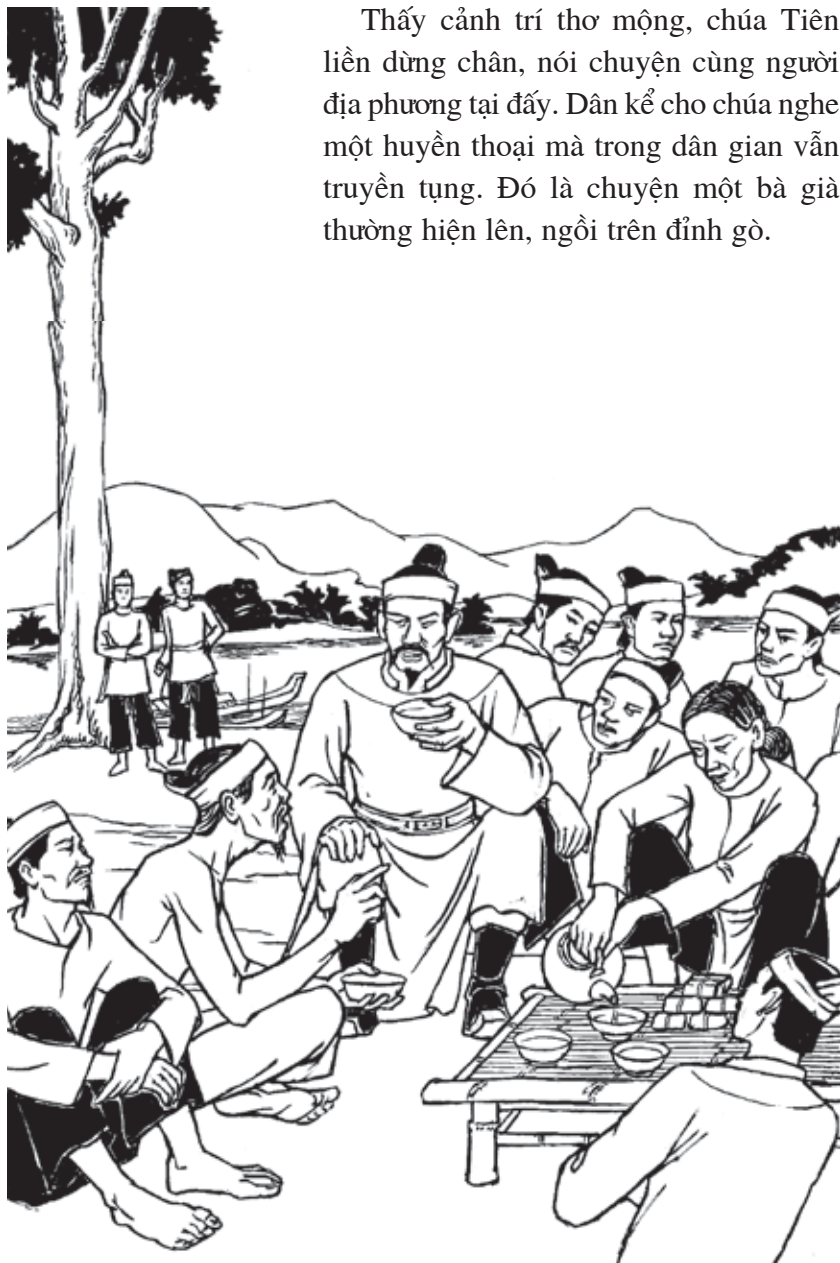


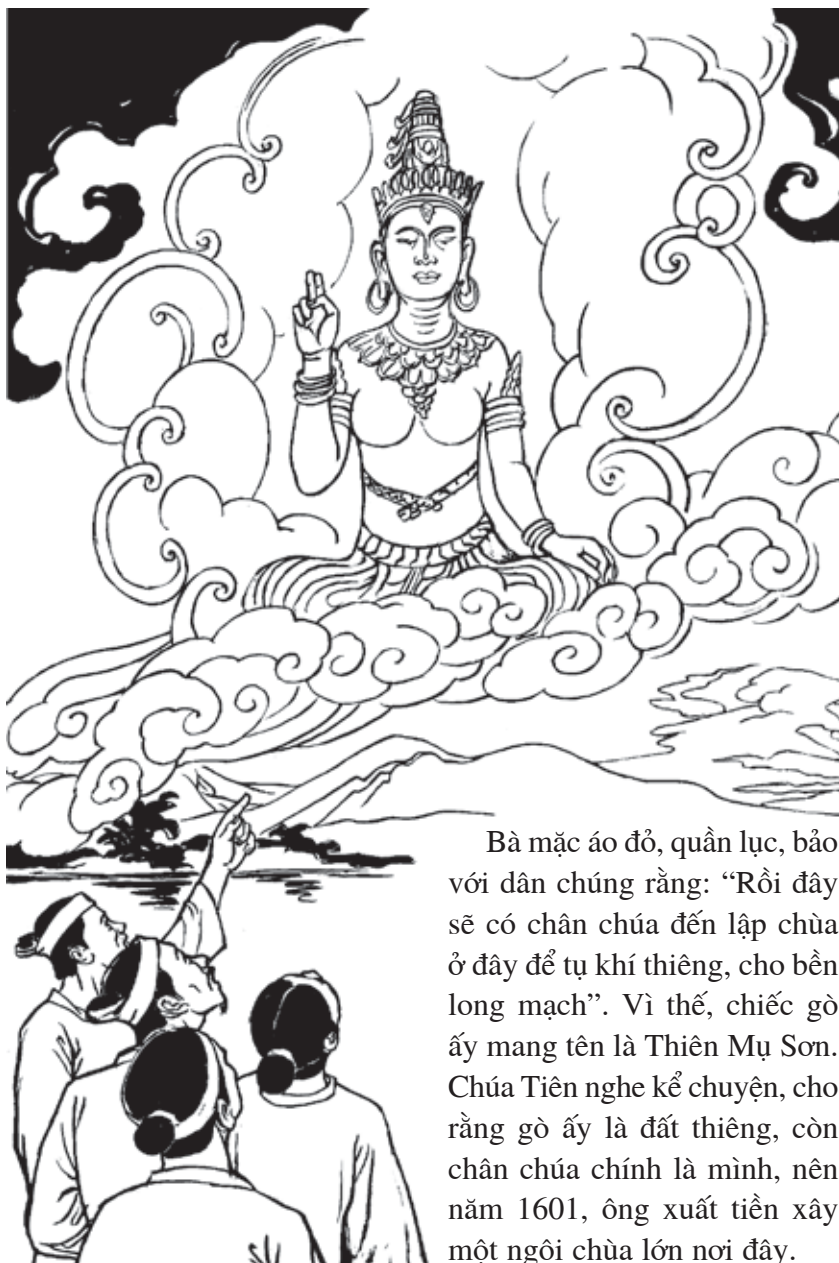
Chú trọng đến việc phát triển đời sống vật chất cho dân chúng, nhưng chúa Tiên không quên đời sống tâm linh. Ông khuyến khích sự phát triển của đạo Phật, đề cao lòng thương người trong dân chúng. Ông cho xây chùa chiền ở nhiều nơi, trong số ấy, nổi tiếng và quan trọng nhất là chùa Thiên Mụ.

Một hôm, trong một chuyến đi thăm thú phong cảnh dọc sông Hương, Nguyễn Hoàng đến huyện Hương Trà, thấy ở đây có một gò đất cao nổi lên, trông giống một chiếc đầu rồng đang soi bóng xuống làn nước trong xanh. Bên trên là một ngôi chùa nhỏ, cổ kính.



Thấy cảnh trí thơ mộng, chúa Tiên liền dừng chân, nói chuyện cùng người địa phương tại đây. Dân kể cho chúa nghe một huyền thoại mà trong dân gian vẫn truyền tụng. Đó là chuyện một bà già thường hiện lên, ngồi trên đỉnh gò.





Bà mặc áo đỏ, quần lục, bảo với dân chúng rằng: “Rồi đây sẽ có chân chúa đến lập chùa ở đây để tụ khí thiêng, cho bền long mạch”. Vì thế, chiếc gò ấy mang tên là Thiên Mụ Sơn. Chúa Tiên nghe kể chuyện, cho rằng gò ấy là đất thiêng, còn chân chúa chính là mình, nên năm 1601, ông xuất tiền xây một ngôi chùa lớn nơi đây.

Chúa Tiên đặt tên cho ngôi chùa là Thiên Mục Tự. Sự lựa chọn cảnh trí của Nguyễn Hoàng chứng tỏ ông có trình độ thẩm mỹ rất cao. Ngôi chùa được lồng trong một cảnh thiên nhiên thơ mộng, tĩnh mịch, phù hợp cho những ai muốn tĩnh tâm tu hành. Toàn bộ chùa nằm trên ngọn đồi cao uy nghiêm, bên dưới là dòng sông Hương xanh biếc uốn quanh.





Chùa và các công trình phụ được xây theo hướng Bắc Nam. Khuôn viên chùa được bao bọc bằng đá. Vì thế, nhìn toàn cảnh, trông chùa giống như một con rùa đang thò đầu xuống uống nước sông Hương. Chùa Thiên Mụ từ đó trở thành một danh lam thắng cảnh của đất nước. Hiện nay, chùa thu hút nhiều du khách đến tham quan.

Tuy chú trọng phát triển Phật giáo, nhưng chúa Tiên lại không kỳ thị các tôn giáo khác. Các giáo sĩ Thiên Chúa giáo đã đặt chân đến Đại Việt để truyền giáo trước khi Nguyễn Hoàng vào Nam. Giáo sĩ Antoine de Paria đã đến cửa sông Hàn (Đà Nẵng). Vào năm 1533. Nguyễn Hoàng tiếp giáo sĩ Tây Ban Nha dòng Đa Minh tên là Diego Adverte. Có một số giáo sĩ theo thuyền buôn đến giảng đạo cho người bản xứ, nhưng vẫn chưa thành lập một họ đạo nào ở đây.





Năm 1613, chúa Tiên lâm bệnh nặng. Biết mình không qua khỏi, ông cho gọi Nguyễn Phúc Nguyên (lúc ấy đang trú ở Quảng Nam) về truyền ngôi chúa. Nguyễn Hoàng có tất cả mười người con trai và hai người con gái. Nguyễn Phúc Nguyên là người con thứ sáu. Năm người anh của ông, số hy sinh trong các trận chiến chống Mạc, số phải ở lại làm con tin ở Bắc Hà, nên ông trở thành người kế vị.

Trước khi chết, Nguyễn Hoàng dặn Nguyễn Phúc Nguyên kế tục ý đồ của mình: “Làm con phải biết hiếu, làm tôi phải trung, anh em phải thương yêu nhau. Đất Thuận – Quảng phía bắc có Hoành Sơn và sông Gianh hiểm trở, phía nam có núi Hải Vân vững bền. Núi sẵn vàng, sắt, biển có cá, muối, thật là đất dụng võ của người anh hùng. Vậy con phải thương yêu dân, luyện tập quân sĩ để xây dựng cơ nghiệp muôn đời”.



Chúa còn dặn dò quan lại: “Ta với các người cùng nhau cam khổ đã lâu, muốn dựng nên nghiệp lớn. Nay ta để gánh nặng lại cho con ta, các người nên cùng lòng giúp đỡ cho thành công nghiệp”. Nói xong, chúa mất, thọ 89 tuổi. Chúa được chôn cất tại làng La Khê, huyện Hương Trà, Thừa Thiên. Lăng của ông được gọi là Trường Cơ.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ... Phan Huy Chú, *Lịch triều hiến chương loại chí*, (bản dịch của viện Sử học), Hà Nội, 1992.
- ... Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, *Lịch sử Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1971.
- ... Viện nghiên cứu Hán Nôm, *Đại Việt sử ký tục biên*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991.
- ... Trương Hữu Quýnh, *Chế độ ruộng đất Việt Nam*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
- ... Quốc sử quán triều Nguyễn, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- ... Li Tana, *Xứ Đàng Trong – Lịch sử kinh tế xã hội Việt Nam thế kỷ 17 và 18*, NXB Trẻ, TP.HCM, 1999.
- ... Tạp chí Xưa và Nay (chủ biên), *Triều Nguyễn và lịch sử nước ta*, NXB Văn hóa Sài Gòn, TP.HCM, 2008.
- ... Phan Khoang, *Việt sử xứ Đàng Trong: 1558-1777: cuộc Nam tiến của dân tộc Việt Nam*, NXB Văn học, Hà Nội, 2001.

LỊCH SỬ VIỆT NAM BẰNG TRANH

CHÚA TIÊN NGUYỄN HOÀNG - Tập 49

Trần Bạch Đằng *chủ biên*

Lê Văn Năm *biên soạn*

Chịu trách nhiệm xuất bản: NGUYỄN MINH NHỰT

Chịu trách nhiệm nội dung: NGUYỄN THẾ TRUẬT

Biên tập: TÚ UYÊN

Xử lý bìa: BIÊN THÙY

Sửa bản in: ĐÌNH QUÂN

Trình bày: NGUYỄN VĂN

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Địa chỉ: 161B Lý Chính Thắng, Phường 7,

Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39316289 - 39316211 - 39317849 - 38465596

Fax: (08) 38437450

E-mail: nxbtre@hcm.vnn.vn

Website: www.nxbtre.com.vn

CHI NHÁNH NHÀ XUẤT BẢN TRẺ TẠI HÀ NỘI

Địa chỉ: Số 21, dãy A11, khu Đầm Trấu, Phường Bạch Đằng,

Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Điện thoại: (04) 37734544

Fax: (04) 35123395

E-mail: chinhanh@nxbtre.com.vn

Lịch sử nước ta đã trải qua nhiều phen biến thiên. Theo dòng biến thiên ấy, lãnh thổ nước ta dần được mở rộng về phía nam. Tiến trình này còn được gọi là: "Nam tiến" và kéo dài gần 700 năm, đem lại cho nước ta ba phần năm lãnh thổ như hiện nay. Trong tiến trình ấy, Nguyễn Hoàng có thể được xem là người có vai trò quan trọng trong việc mở rộng bờ cõi nước ta cũng như tạo tiền đề cho việc xây dựng vùng đất phía nam và cho cả vương triều Nguyễn sau này.

